

VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

THUYẾT MINH

DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TÍN CHỈ CÁC-BON RỪNG – YÊU CẦU CHUNG
(Gửi lấy ý kiến rộng rãi)

HÀ NỘI - 2025

THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

“Tín chỉ các-bon rừng – Yêu cầu chung”

I. THÔNG TIN CHUNG

Tổ chức chủ trì biên soạn: Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Thời gian xây dựng: 24 tháng, từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2026.

II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG

II.1 Tóm tắt tình hình đối tượng

a) Ngoài nước

Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sự suy thoái của môi trường sống đã không chỉ tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống của người dân, mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của quốc gia, khu vực và thế giới. Nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, Liên hợp quốc đã tổ chức nhiều hội nghị về biến đổi khí hậu để tìm ra các phương án hiệu quả và thiết thực nhất. Theo đó, việc trao đổi tín chỉ các-bon được coi là một trong những công cụ quan trọng nhất trong việc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Tín chỉ các-bon là sự chứng nhận hay đại diện cho quyền phát thải ra 1 tấn CO₂ hoặc 1 tấn CO₂ tương đương (quy đổi từ tấn khí nhà kính khác sang tấn khí CO₂), gắn liền với giá trị giảm hay đền bù cho lượng khí nhà kính phát thải. Tín chỉ các-bon là một loại mặt hàng mới được tạo ra khi thực hiện các hoạt động cắt giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính trong quá trình thực hiện Nghị định thư Kyoto hay thông qua các hoạt động hợp tác giữa các nước, các tổ chức trong nước và quốc tế có liên quan. Tín chỉ các-bon được theo dõi và giao dịch giống như bất kỳ loại hàng hóa nào khác, do đó, thị trường trao đổi tín chỉ các-bon còn được gọi là "thị trường các-bon".

Thông qua thị trường các-bon, các bên tham gia có thể tăng cường giảm phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả và tiết kiệm. Nguyên tắc cơ bản của thị trường các-bon là bên mua sẽ trả phí để nhận thêm các tín chỉ, hạn ngạch phát thải nhằm đạt được các mục tiêu giảm phát thải với chi phí thấp hơn so với tự thực hiện. Tính riêng năm 2019, doanh thu từ thị trường các-bon trên toàn thế giới đạt khoảng 22,3 tỷ Đô-la Mỹ, chiếm 47% doanh thu toàn cầu từ các công cụ định giá các-bon bao gồm: thuế các-bon và thị trường các-bon.

Thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính, thị trường thương mại các-bon đã phát triển nhanh chóng. Thương mại các-bon sử dụng khí CO₂e là đơn vị tính toán và một tấn CO₂ được gọi là 1 tín chỉ các-bon. Thương mại các-bon là việc mua bán, trao đổi kết quả giảm phát thải khí nhà kính giữa các quốc gia, các tổ chức thông qua các thỏa thuận hoặc các sàn giao dịch. Thị trường các-bon gồm hai loại sau:

¹ - Thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn là tài liệu kèm theo dự thảo tiêu chuẩn và được gửi lấy ý kiến cùng với dự thảo tiêu chuẩn.
- Mỗi lần soạn thảo và gửi lấy ý kiến lại, phải có bản thuyết minh kèm theo trình bày nội dung tiếp thu hoặc xử lý các ý kiến góp ý và thuyết minh sự khác biệt so với dự thảo lần trước.

Thị trường bắt buộc:

Thị trường các-bon bắt buộc thường do quốc gia quy định và được thành lập và vận hành nhằm mục tiêu thực hiện các cam kết giảm phát thải nêu tại NDC. Nhìn chung các quy định hay tiêu chuẩn là do quốc gia đưa ra và khác nhau giữa các quốc gia. Quy định về giảm phát thải các-bon có thể dưới dạng: Thuế các-bon và cơ chế mua, bán các-bon. Các thị trường các-bon bắt buộc điển hình gồm: Thị trường các-bon California, thuế các-bon Colombia, Quỹ Giảm phát thải của Úc, Hệ thống giao dịch khí thải của New Zealand, Hệ thống thương mại phát thải (ETS) Saitama và Giao dịch và hạn ngạch Tokyo. Hệ thống thương mại phát thải (ETS) Hàn Quốc, Hệ thống ETS của Trung Quốc, vv (World Bank 2022).

Với các quy định về thuế các-bon (carbon tax), tùy thuộc vào mục tiêu giảm phát thải mà các quốc gia có thể quy định mức chi trả cho một đơn vị phát thải (thường là USD/tấn CO₂). Hiện có khoảng 20 quốc gia áp dụng thuế các-bon và mức thuế là khác nhau giữa các quốc gia, mức thuế biến động từ 5 – 138 USD/tấn CO₂ (World Bank 2022).

Một quy định khác là quy định “Hệ thống thương mại phát thải” (Emission Trading System – ETS). Bản chất là các cơ sở phát thải sẽ được giao một hạn ngạch phát thải và nếu phát thải quá mức cho phép sẽ phải mua bán với các cơ sở khác (cơ sở không phát thải quá hạn ngạch phát thải hoặc các bên tạo ra lượng giảm phát thải, tăng hấp thụ, loại bỏ các-bon) (World Bank 2022).

Quy định về thuế các-bon hay ETS đều có điểm chung là quy định của Nhà nước về giảm phát thải bắt buộc. Với thuế các-bon do Nhà nước quyết định, nhưng với ETS thì việc mua bán theo cơ chế thị trường. Điều này có nghĩa, mỗi quốc gia sẽ quy định “hạn ngạch phát thải” đối với các cơ sở gây phát thải khí nhà kính. Nếu các cơ sở gây phát thải vượt quá hạn ngạch phát thải sẽ phải mua tín chỉ các-bon cho lượng phát thải vượt quá hạn ngạch phát thải quy định hoặc đầu tư thực hiện các hoạt động hấp thụ các-bon để bù cho lượng phát thải vượt hạn ngạch. Việc mua bán, chuyển nhượng tín chỉ các-bon được thực hiện theo quy định của thị trường các-bon do quốc gia quy định (như hệ thống thương mại các-bon – ETS).

Thị trường các-bon tự nguyện (toàn cầu và quốc gia):

Với thị trường các-bon tự nguyện toàn cầu, có một số tiêu chuẩn các-bon áp dụng rộng rãi như Tiêu chuẩn các-bon được xác minh (VCS); Tiêu chuẩn vàng (Gold Standard); Đăng ký các-bon của Mỹ; Liên minh khí hậu, cộng đồng và đa dạng sinh học (CCCB); Plan Vivo.

Một số tiêu chuẩn các-bon tự nguyện có tính khu vực như Climate Action Reverse (áp dụng đối với Mỹ, Canada, Mexico); JCM (giữa chính phủ Nhật Bản với các nước Đông Nam Á); thị trường các-bon theo Nghị định thư Kyoto (CDM, JI).

Thương mại các-bon trong thị trường tự nguyện phải tuân thủ tiêu chuẩn các-bon áp dụng do bên mua và bán quyết định. Các nguyên tắc chính trong các tiêu chuẩn các-bon gồm: các hoạt động phù hợp; các loại khí nhà kính và bể các-bon; mức tham chiếu; giá trị bổ sung và các biện pháp đảm bảo an toàn môi trường và xã hội.

Bên cạnh chương trình REDD+ còn có các chương trình và sáng kiến về giảm phát thải do khối tư nhân đề xuất nhằm thực hiện các cam kết giảm phát thải để đạt được mục tiêu khí hậu, bao gồm:

- Chương trình bù trừ và Giảm thiểu các-bon cho Hàng không Quốc tế (CORSA). Chương trình này thúc đẩy giảm phát thải ở tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả lâm nghiệp và sử dụng đất. CORSA áp dụng các tiêu chuẩn các-bon của thị trường các-bon tự nguyện và việc thương mại tín chỉ các-bon theo cơ chế thị trường.

- Sáng kiến mục tiêu dựa trên Khoa học (the Science Based Targets initiative - SBTi) thành lập năm 2015 với mục đích huy động lĩnh vực tư nhân thiết lập các mục tiêu giảm phát thải phù hợp. Đến nay, có hơn 1.000 công ty đang làm việc với SBTi để thiết lập các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính. Với hơn 1.000 công ty từ 60 quốc gia trên thế giới đã cam kết với SBTi. sáng kiến này đang trở thành một phong trào toàn cầu. Sự cam kết và kết quả đạt được là đáng kể, đặc biệt ở các nền kinh tế phát triển. Tại 16 quốc gia trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), ít nhất 20% các công ty có ảnh hưởng lớn đến phát thải toàn cầu hiện là một phần của SBTi.

Bất cứ thị trường các-bon nào cũng đều quy định về tiêu chuẩn các-bon áp dụng. Với thị trường các-bon bắt buộc, các quy định là do quốc gia quyết định. Với thị trường các-bon tự nguyện được giao dịch bởi bên mua và bên bán, các bên tự thống nhất tiêu chuẩn áp dụng. Bảng dưới đây tóm tắt các loại tiêu chuẩn các-bon đang áp dụng đối với các hoạt động thương mại các-bon tại thị trường các-bon tự nguyện.

Bảng: Tóm tắt các tiêu chuẩn các-bon áp dụng trong thị trường các-bon tự nguyện quốc tế

Tiêu chuẩn	Tóm tắt
The verified Carbon Standard - Tiêu chuẩn các-bon được xác minh (VCS) ²	Được quản lý bởi VERRA, được thành lập vào năm 2007 và là tổ chức phi chính phủ hoạt động không vì lợi nhuận với nhiệm vụ phát triển các tiêu chuẩn theo nhu cầu thị trường đáp ứng các yêu cầu môi trường và xã hội. VCS bao phủ giao dịch carbon lớn nhất trên thị trường tình nguyện (hơn 90%). Verra cũng là thành viên sáng lập của Sáng kiến Minh bạch Hành động Khí hậu (ICAT) và quản lý Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh học (CCB). Các dự án đủ điều kiện để kinh doanh carbon bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Trồng rừng, tái trồng rừng và tái sinh rừng (ARR) • Quản lý đất nông nghiệp (ALM) • Cải thiện Quản lý Rừng (IFM) • Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD) • Tránh Chuyển đổi Đồng cỏ và Cây bụi (ACoGS) • Phục hồi và Bảo tồn Đất ngập nước (WRC) Tín chỉ carbon được xác nhận bởi cơ quan thẩm định và xác minh (VVB). VVB được công nhận bởi cơ quan thành viên Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) như Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ (ANSI), Cục tiêu chuẩn quốc gia Colombia (ONAC) và Hội đồng Tiêu chuẩn Canada (SCC) đối với VCS phạm vi ISO 14065. Hiện

² <https://verra.org/project/vcs-program/>

Tiêu chuẩn	Tóm tắt
	tại có 20 VVB trên khắp các khu vực đang làm việc với VCS.
<p>Tiêu chuẩn Tối ưu môi trường REDD+ Environmental Excellence Standard (TREES)³</p>	<p>Kiến trúc cho các giao dịch REDD+ (ART) quản lý và phát triển các tiêu chuẩn để đạt được tính toàn vẹn của môi trường cần thiết cho việc giảm phát thải (ER) REDD+ ở quy mô quốc gia và khu vực pháp lý. Các tiêu chuẩn có tên “REDD+ Tiêu chuẩn Xuất sắc Môi trường REDD+ (TREES), phiên bản 2.0”. Hiện tại, nó tập trung vào các hoạt động liên quan đến việc làm chậm mất rừng và suy thoái rừng và không bao gồm lượng các-bon hấp thụ từ các diện tích rừng hiện có. Loại bỏ KNK liên quan đến tái trồng rừng, trồng rừng, nâng cao trữ lượng các-bon rừng hoặc cải thiện quản lý rừng sẽ được đưa vào phiên bản tương lai của tiêu chuẩn này. Tiêu chuẩn này đang được áp dụng trong Chương trình Giảm thiểu Phát thải ở Rừng Châu Á (LEAF) và Chương trình Bù đắp và Giảm thiểu Các-bon cho Hàng không Quốc tế (CORSIA) của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO). Tuy nhiên, CORSIA chưa bao gồm các hoạt động liên quan đến giảm phát thải và tăng cường loại bỏ liên quan đến việc sử dụng đất và lâm nghiệp.</p> <p>Việc xác minh tín chỉ các-bon do VBB thực hiện, được công nhận bởi một tổ chức công nhận là thành viên của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) bằng cách sử dụng ISO 14065. Hiện tại, chỉ có AsterGlobal được công nhận cho LEAF</p>
<p>Tiêu chuẩn vàng - Gold standard⁴</p>	<p>Được thành lập vào năm 2003 bởi WWF và các tổ chức phi chính phủ quốc tế khác. Tổng cộng, Gold Standard đã cấp 173 triệu tín chỉ carbon từ các dự án có trụ sở tại hơn 80 quốc gia khác nhau trên thế giới. Tiêu chuẩn Vàng áp dụng một cách tiếp cận độc đáo đối với các hoạt động sử dụng đất nhằm cô lập các-bon hoặc tránh phát thải khí nhà kính, chỉ tập trung vào các cơ chế có thể mang lại mức độ toàn vẹn môi trường cao. Điều đó có nghĩa là các dự án trồng rừng và tái trồng rừng đủ điều kiện theo tiêu chuẩn này.</p>
<p>Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học - The Climate, Community and Biodiversity Standards (CCB)⁵</p>	<p>Tiêu chuẩn CCB được phát triển bởi Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (CCBA) và được Verra quản lý từ tháng 11 năm 2014. Tiêu chuẩn CCB xác định các dự án quản lý đất đai mang lại lợi ích tích cực ròng cho giảm thiểu biến đổi khí hậu, cho cộng đồng địa phương và đa dạng sinh học. Tiêu chuẩn CCB có thể được áp dụng cho bất kỳ dự án quản lý đất nào, bao gồm các dự án giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng hoặc tránh suy thoái các hệ sinh thái khác và các dự án loại bỏ carbon dioxide bằng cách cô lập carbon (ví dụ: tái trồng rừng, trồng rừng, tái tạo, phục hồi rừng, nông lâm kết hợp và nông nghiệp bền</p>

³ <https://www.artredd.org/trees/standard-and-templates/>

⁴ <https://globalgoals.goldstandard.org/guide-tutorial/>

⁵ <https://verra.org/project/ccb-program/>

Tiêu chuẩn	Tóm tắt
	vững) hoặc quản lý đất đai khác, từ thiết kế đến thực hiện và giám sát.
Tiêu chuẩn Plan Vivo ⁶	<p>Tiêu chuẩn đầu tiên của Plan Vivo được tạo ra vào năm 2001. Plan Vivo là cơ quan chứng nhận xác nhận các dự án theo Tiêu chuẩn Plan Vivo tập trung vào các dự án sử dụng đất và lâm nghiệp của cộng đồng và quy mô nhỏ. Các dự án đủ điều kiện là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bảo vệ - Giảm mất rừng và / hoặc suy thoái rừng, đất ngập nước hoặc các hệ sinh thái tự nhiên khác. • Phục hồi: Trồng cây, hỗ trợ tái sinh tự nhiên và quản lý đất ngập nước hoặc các hệ sinh thái tự nhiên khác để phục hồi chức năng sinh thái. • Cải thiện quản lý đất đai: Cải thiện thực hành quản lý rừng hoặc đất nông nghiệp để tăng trữ lượng các-bon và / hoặc giảm phát thải khí nhà kính

Được quản lý bởi VERRA, được thành lập vào năm 2007 và là tổ chức phi chính phủ hoạt động không vì lợi nhuận với nhiệm vụ phát triển các tiêu chuẩn theo nhu cầu thị trường đáp ứng các yêu cầu môi trường và xã hội. VCS bao phủ giao dịch carbon lớn nhất trên thị trường tình nguyện (hơn 90%). Verra cũng là thành viên sáng lập của Sáng kiến Minh bạch Hành động Khí hậu (ICAT) và quản lý Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh học (CCB). Các dự án đủ điều kiện để kinh doanh carbon bao gồm:

- Trồng rừng, tái trồng rừng và tái sinh rừng (ARR)
- Quản lý đất nông nghiệp (ALM)
- Cải thiện Quản lý Rừng (IFM)
- Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD)
- Tránh Chuyển đổi Đồng cỏ và Cây bụi (ACoGS)
- Phục hồi và Bảo tồn Đất ngập nước (WRC)

Tín chỉ carbon được xác nhận bởi cơ quan thẩm định và xác minh (VVB). VVB được công nhận bởi cơ quan thành viên Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) như Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ (ANSI), Cục tiêu chuẩn quốc gia Colombia (ONAC) và Hội đồng Tiêu chuẩn Canada (SCC) đối với VCS phạm vi ISO 14065. Hiện tại có 20 VVB trên khắp các khu vực đang làm việc với VCS.

Tiêu chuẩn Tối ưu môi trường REDD+ Environmental Excellence Standard (TREES)

Kiến trúc cho các giao dịch REDD+ (ART) quản lý và phát triển các tiêu chuẩn để đạt được tính toàn vẹn của môi trường cần thiết cho việc giảm phát thải (ER) REDD+ ở quy mô quốc gia và khu vực pháp lý. Các tiêu chuẩn có tên “REDD+ Tiêu chuẩn Xuất

⁶ <https://www.planvivo.org/>

sắc Môi trường REDD+ (TREES), phiên bản 2.0". Hiện tại, nó tập trung vào các hoạt động liên quan đến việc làm chậm mất rừng và suy thoái rừng và không bao gồm lượng các-bon hấp thụ từ các diện tích rừng hiện có. Loại bỏ KNK liên quan đến tái trồng rừng, trồng rừng, nâng cao trữ lượng các-bon rừng hoặc cải thiện quản lý rừng sẽ được đưa vào phiên bản tương lai của tiêu chuẩn này. Tiêu chuẩn này đang được áp dụng trong Chương trình Giảm thiểu Phát thải ở Rừng Châu Á (LEAF) và Chương trình Bù đắp và Giảm thiểu Các-bon cho Hàng không Quốc tế (CORSA) của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO). Tuy nhiên, CORSA chưa bao gồm các hoạt động liên quan đến giảm phát thải và tăng cường loại bỏ liên quan đến việc sử dụng đất và lâm nghiệp.

Việc xác minh tín chỉ các-bon do VBB thực hiện, được công nhận bởi một tổ chức công nhận là thành viên của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) bằng cách sử dụng ISO 14065. Hiện tại, chỉ có AsterGlobal được công nhận cho LEAF

Tiêu chuẩn vàng - Gold standard

Được thành lập vào năm 2003 bởi WWF và các tổ chức phi chính phủ quốc tế khác. Tổng cộng, Gold Standard đã cấp 173 triệu tín chỉ carbon từ các dự án có trụ sở tại hơn 80 quốc gia khác nhau trên thế giới. Tiêu chuẩn Vàng áp dụng một cách tiếp cận độc đáo đối với các hoạt động sử dụng đất nhằm cô lập các-bon hoặc tránh phát thải khí nhà kính, chỉ tập trung vào các cơ chế có thể mang lại mức độ toàn vẹn môi trường cao. Điều đó có nghĩa là các dự án trồng rừng và tái trồng rừng đủ điều kiện theo tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học - The Climate, Community and Biodiversity Standards (CCB)

Tiêu chuẩn CCB được phát triển bởi Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (CCBA) và được Verra quản lý từ tháng 11 năm 2014. Tiêu chuẩn CCB xác định các dự án quản lý đất đai mang lại lợi ích tích cực ròng cho giảm thiểu biến đổi khí hậu, cho cộng đồng địa phương và đa dạng sinh học. Tiêu chuẩn CCB có thể được áp dụng cho bất kỳ dự án quản lý đất nào, bao gồm các dự án giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng hoặc tránh suy thoái các hệ sinh thái khác và các dự án loại bỏ carbon dioxide bằng cách cô lập carbon (ví dụ: tái trồng rừng, trồng rừng, tái tạo, phục hồi rừng, nông lâm kết hợp và nông nghiệp bền vững) hoặc quản lý đất đai khác, từ thiết kế đến thực hiện và giám sát.

Tiêu chuẩn Plan Vivo

Tiêu chuẩn đầu tiên của Plan Vivo được tạo ra vào năm 2001. Plan Vivo là cơ quan chứng nhận xác nhận các dự án theo Tiêu chuẩn Plan Vivo tập trung vào các dự án sử dụng đất và lâm nghiệp của cộng đồng và quy mô nhỏ. Các dự án đủ điều kiện là:

- Bảo vệ - Giảm mất rừng và / hoặc suy thoái rừng, đất ngập nước hoặc các hệ sinh thái tự nhiên khác.
- Phục hồi: Trồng cây, hỗ trợ tái sinh tự nhiên và quản lý đất ngập nước hoặc các hệ sinh thái tự nhiên khác để phục hồi chức năng sinh thái.
- Cải thiện quản lý đất đai: Cải thiện thực hành quản lý rừng hoặc đất nông nghiệp để tăng trữ lượng các-bon và / hoặc giảm phát thải khí nhà kính

Nhìn chung, các tiêu chuẩn các-bon áp dụng là điều kiện quan trọng để tham gia mua bán, chuyển nhượng tín chỉ các-bon. Các tiêu chuẩn đặt ra cho thương mại các-bon

đối với các thị trường các-bon bắt buộc và tự nguyện là khác nhau. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn này đều có cách tiếp cận chung và có các quy định cụ thể về:

- Điều kiện áp dụng (mỗi tiêu chuẩn có các điều kiện về đối tượng có thể áp dụng, ví dụ các hoạt động thuộc phạm vi như giảm phát thải từ mất rừng; tăng hấp thụ do trồng cây, vv).

- Phạm vi thực hiện hay ranh giới dự án (phạm vi địa lý, phạm vi không gian).

- Đường cơ sở (mức tham chiếu) gồm các loại khí nhà kính, nguồn phát thải và bể hấp thụ tính toán; giai đoạn tham chiếu; phương pháp tính toán số liệu hoạt động, hệ số phát thải; lượng phát thải và hấp thụ.

- Tính bổ sung (tạo ra lượng giảm phát thải và/hoặc tăng hấp thụ thực sự giữa kịch bản phát triển thông thường – không thực hiện các biện pháp giảm nhẹ và kịch bản thực hiện pháp giảm nhẹ trong phạm vi chương trình, dự án).

- Kiểm soát rò rỉ và/hoặc đảo nghịch phát thải. Nghĩa là khi thực hiện các biện pháp can thiệp trong khu vực xác định về giảm phát thải hoặc tăng hấp thụ, cần đảm bảo việc thực hiện các biện pháp này không gây ra phát thải ở khu vực khác và tạo ra lượng phát thải thấp hơn mức phát thải tham chiếu hoặc lượng hấp thụ các-bon cao hơn mức hấp thụ các-bon tham chiếu.

- Phương pháp đo đạc, báo cáo và xác minh (MRV) tuân theo các hướng dẫn của IPCC, bao gồm: bể các-bon, loại khí nhà kính, phương pháp tính toán, đánh giá độ không chắc chắn; các quy định về tính minh bạch, đầy đủ, chính xác của số liệu trong các báo cáo kết quả phát thải và hấp thụ các-bon.

- Các yêu cầu về biện pháp đảm bảo an toàn môi trường và xã hội (tùy thuộc loại dự án). Nghĩa là có và triển khai các biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường theo quy định của tiêu chuẩn các-bon áp dụng, hoặc quy định của quốc gia; đảm bảo sự công bằng giữa các bên tham gia, giảm thiểu tác động đối với người dân tộc thiểu số, các đối tượng dễ bị tổn thương và các vấn đề liên quan đến giới.

- Thẩm định kết quả báo cáo bởi bên thứ 3, độc lập theo sử dụng các tiêu chuẩn ISO (ví dụ ISO 14065) về xác minh thông tin môi trường.

- Đăng ký tín chỉ các-bon theo quy định của quốc gia và tiêu chuẩn các-bon áp dụng nhằm đảm bảo sự minh bạch trong chuyển nhượng, mua bán tín chỉ các-bon và trách chông chéo trong các hoạt động giao dịch

b) Trong nước

Là bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris, Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. Đóng góp do quốc gia quyết định (NDC) của Việt Nam đã xác định giảm phát thải theo các lĩnh vực: năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất, chất thải và các quá trình công nghiệp. Tại quốc họp các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc lần thứ 26 (COP 26), Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế cam kết mạnh mẽ giảm phát thải khí nhà kính.

Theo đó, ba (3) cam kết lớn mà Việt Nam tuyên bố gồm: (1) Phấn đấu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050; (2) Tham gia vào nỗ lực giảm 30% phát thải khí mê tan; và (3) Tham gia tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất, với mục tiêu đảo ngược tình

trạng mất rừng và suy thoái rừng. Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính được Việt Nam công bố tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) trình tới UNFCCC năm 2022. Theo đó, giai đoạn đến năm 2030, Việt Nam cam kết giảm 15,8% lượng phát thải khí nhà kính (tương ứng với 146 triệu tấn CO₂eq) bằng nguồn lực quốc gia và giảm 43,5% lượng phát thải khí nhà kính (403 triệu tấn CO₂eq) khi có hỗ trợ quốc tế. Nhằm thực hiện cam kết về giảm phát thải khí nhà kính, một số cơ chế, chính sách đã được ban hành, bao gồm:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định các vấn đề về giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon trong nước. Theo đó, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ban hành ngày 07/01/2022 cung cấp các quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô- dôn. Nghị định 06/2022/NĐ-CP cũng quy định mức giảm phát thải đến năm 2030 cho các ngành, và lĩnh vực, trong đó lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (chủ yếu từ tiểu lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp và sử dụng đất) là 129,8 triệu tấn CO₂e. Thị trường các-bon trong nước đang được xây dựng và dự kiến vận hành chính thức từ năm 2028.

- Quyết định số 1693/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/04/2023 phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

- Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp.

- Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 02/05/2024 về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

Đến nay, Việt Nam đã bước đầu triển khai hai chương trình, dự án chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính và các chương trình này do Bộ Nông nghiệp và PTNT là đại diện, cụ thể như sau:

Chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ: Chương trình này do Quỹ đối tác các-bon Lâm nghiệp (FCPF) tài trợ xây dựng hồ sơ chương trình. Chương trình thực hiện từ 2018-2025 tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế). Tổng tín chỉ các-bon tạo ra từ chương trình này là khoảng 25 triệu tấn CO₂e và Bộ Nông nghiệp & PTNT đã ký Thỏa thuận chi trả Giảm phát thải. Theo đó, Việt Nam chuyển quyền giảm phát thải với khối lượng là 10,3 triệu tấn CO₂e với giá 5 USD/tấn CO₂. Hiện tại báo cáo kết quả giảm phát thải lần 1 đang được Nhà tài trợ thẩm định. Bản chất của chương trình là mua tín chỉ các-bon có điều kiện và giá bán do nhà tài trợ quyết định. Điều kiện yêu cầu là sự rõ ràng về quyền các-bon và cơ chế chia sẻ lợi ích (nguồn thu từ tín chỉ các-bon) cho các bên liên quan. Tuy nhiên, Nhà tài trợ chỉ giữ 5% lượng tín chỉ các-bon tạo ra và 95% lượng tín chỉ các-bon còn lại được tính vào đóng góp của quốc gia trong giảm phát thải khí nhà kính. Hiện nay Việt Nam đã được công nhận kết quả đo đạc tại báo cáo lần 1 và đã được chi trả cho 10,3 triệu tấn CO₂e theo thỏa thuận và đang xem xét khả năng chuyển nhượng thêm 5 triệu tấn CO₂e. Trong chương trình này, FCPF quy định khung phương pháp luận về đo đạc, báo cáo kết quả giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ các-bon dựa trên nguyên tắc REDD+.

Chương trình LEAF: Chương trình này thực hiện ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tiêu chuẩn các-bon áp dụng là TREES và hiện đang trong giai đoạn thực hiện xác minh và thẩm định báo cáo lần 1 về kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Dự kiến, Việt Nam sẽ chuyển nhượng khoảng 6 triệu tấn CO₂ với giá là 10 USD/tấn. Theo kế hoạch, việc chi trả có thể được triển khai vào quý I năm 2025 nếu báo cáo kết quả lần 1 được xác minh.

Như vậy có thể thấy, các chương trình chuyển nhượng, trao đổi tín chỉ các-bon hiện nay trong lâm nghiệp do Nhà nước quản lý và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định của các tổ chức quốc tế, tiêu chuẩn các-bon quốc tế

II.2 Lý do và mục đích xây dựng

Việt Nam đặt mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Để thực hiện mục tiêu này, các quy định pháp luật như Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đã quy định các biện pháp và các định hướng cho giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Lâm nghiệp.

Lĩnh vực lâm nghiệp nói chung, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng có vai trò quan trọng trong giảm phát thải khí nhà kính, đóng góp quan trọng vào mục tiêu giảm phát thải của quốc gia. Hiện nay, Việt Nam có 14,8 triệu ha rừng, trong đó có 10,1 triệu ha là rừng tự nhiên. Trữ lượng các-bon lưu giữ trong các hệ sinh thái rừng hiện nay là khoảng 2,2 tỷ tấn CO₂e, trong đó 80% lượng các-bon lưu giữ tại rừng tự nhiên. Trong giai đoạn 2010-2020, lượng phát thải KNK và hấp thụ các-bon đã có thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước đó (1995-2010). Lượng phát thải ròng trung bình năm của giai đoạn 2010-2020 là -39 triệu tấn CO₂ (phát thải 30,5 triệu tấn CO₂e và hấp thụ -69,8 triệu tấn CO₂e) và là ngành duy nhất có phát thải ròng âm. Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp được tạo ra từ các hoạt động sau:

- Tăng hấp thụ các-bon thông qua hoạt động trồng rừng mới, xúc tiến tái sinh, trồng bổ sung làm giàu rừng, nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn, quản lý rừng bền vững, tăng cây trồng thân gỗ trong canh tác nông nghiệp, đặc biệt trên đất dốc (canh tác nông lâm kết hợp).

- Giảm phát thải khí nhà kính thông qua kiểm soát hiệu quả việc chuyển đổi rừng sang đất khác; xâm lấn đất rừng; kiểm soát suy thoái rừng;

Thương mại các-bon (giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ các-bon) là công cụ quan trọng trong thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia. Một trong số đó là thị trường các-bon tự nguyện. Việt Nam đang triển khai thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính ở vùng Bắc Trung Bộ thông qua Quỹ đối tác các-bon lâm nghiệp (FCPF) và đang thực hiện chuyển nhượng kết quả giảm phát thải ở vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên theo chương trình LEAF. Thị trường các-bon trong nước cũng đang trong quá trình xây dựng.

Một trong các yêu cầu quan trọng trong việc xác định tín chỉ các-bon tạo ra từ các hoạt động giảm nhẹ để có thể thương mại các-bon, xác định mức đóng góp thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) là các tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho các hoạt động giảm nhẹ. Trên thế giới, thương mại các-bon tại thị trường các-bon tự nguyện đang áp dụng các tiêu chuẩn các-bon khác nhau, như Tiêu chuẩn các-bon được xác minh (VCS), Tiêu chuẩn Tối ưu môi trường (REDD+ Environmental Excellence Standard –

TREES), Tiêu chuẩn vàng (Gold standard); Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (CCB). Các tiêu chuẩn này thường quy định chi tiết các nội dung sau: (1) Đối tượng, phạm vi áp dụng; (2) Yêu cầu về sự phù hợp; (3) Xác định mức tham chiếu; (4) Xác định tính bổ sung; (5) Thực hiện đảm bảo an toàn, xã hội; (6) Theo dõi, đo đạc và báo cáo; (7) Minh bạch dữ liệu; (8) Đánh giá nội bộ; (9) Xác minh kết quả; và (10) Công nhận kết quả. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam chưa có tiêu chuẩn các-bon cho thực hiện NDC và thương mại các-bon đối với lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất.

Mục đích của việc xây dựng Tiêu chuẩn tín chỉ các-bon rừng là đưa ra các quy định chung trong việc thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ các-bon làm cơ sở xác định kết quả giảm phát thải nêu tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, trao đổi, thương mại tín chỉ các-bon rừng tạo nguồn tài chính bổ sung cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại Việt Nam.

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Thông tin, thông hiểu	<input checked="" type="checkbox"/>		+ Tiết kiệm	<input type="checkbox"/>
+ An toàn sức khỏe môi trường	<input checked="" type="checkbox"/>		+ Giảm chủng loại	<input type="checkbox"/>
+ Đổi lẫn	<input type="checkbox"/>		+ Các mục đích khác (ghi dưới) <i>Căn cứ để ghi nhận kết quả thực hiện NDC và thương mại các-bon</i>	<input checked="" type="checkbox"/>
+ Chức năng công dụng chất lượng	<input type="checkbox"/>			

Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? Có Không

Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không?

Có Không

Yêu cầu hài hoà tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): Có Không

III. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN

1. Nội dung chính của tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn gồm các nội dung chính như sau:

Lời nói đầu

Lời giới thiệu

1 Phạm vi áp dụng

2 Tài liệu viện dẫn

3 Thuật ngữ và định nghĩa

4 Tín chỉ các-bon rừng

5 Điều kiện thực hiện dự án các-bon

5.1 Điil Quyền sử dụ

5.2 Điều kiện cụ thể

6 Các biện pháp lâm sinh trong dự án các-bon

- 6.1 Dự án REDD+
- 6.2 Dự án A/R
- 6.3 Dự án IFM-N
- 6.4 Dự án IFM-P
- 6.5 Dự án AFP

7 Đo đạc, báo cáo phát thải khí nhà kính, hấp thụ các-bon trong dự án các-bon

- 6.1 Bể các-bon, nguồn phát thải và loại khí nhà kính tính toán
- 7.2 Xây dựng dữ liệu hoạt động
- 7.3 Xây dựng, lựa chọn hệ số phát thải
- 7.4. Xây dựng mức tham chiếu
- 7.5 Tính phát thải khí nhà kính, hấp thụ các-bon trong giai đoạn báo cáo
- 7.6 Xác định lượng giảm phát thải và lượng tăng hấp thụ các-bon
- 7.7 Đánh giá độ không chắc chắn
- 7.8 Đánh giá nguy cơ rò rỉ, đảo nghịch phát thải
- 7.9 Xác định lượng dự phòng và lượng tín chỉ cho giao dịch

8 Bảo đảm an toàn môi trường, xã hội trong dự án các-bon

- 8.1 Thúc đẩy phát triển lâm nghiệp, kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường
- 8.2 Bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan
- 8.3 Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm thiểu tác động tiêu cực, nguy cơ rò rỉ, đảo nghịch phát thải
- 8.4 Giải quyết tranh chấp, khiếu nại

9 Xây dựng, thực hiện, báo cáo và lưu trữ hồ sơ

- 9.1 Xây dựng và thực hiện dự án các-bon
- 9.2 Kiểm soát/bảo đảm chất lượng (QC/QA)
- 9.3 Giám sát các-bon và an toàn môi trường, xã hội
- 9.4 Lưu trữ hồ sơ

10 Thẩm định và xác minh lượng tín chỉ các-bon tạo ra từ dự án các-bon

- 10.1 Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định và xác minh (VVB)
- 10.2 Hồ sơ cho thẩm định và xác minh
- 10.3 Quy trình thực hiện thẩm định và xác minh

Phụ lục A (tham khảo) Phương trình ước tính sinh khối cây cá thể

Phụ lục B (quy định) Tài liệu thiết kế dự án

Phụ lục C (quy định) Báo cáo kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tăng hấp thụ các-bon

Thư mục tài liệu tham khảo

2. Giải thích những quy định trong tiêu chuẩn

2.1 Danh mục các tài liệu làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn

Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN:

- Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. https://vfcs.org.vn/wp-content/uploads/2025/09/BCKT-Xay-dung-TCVN-cacbon-rung_Final-approved.pdf.
- IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
- TCVN ISO 14065 (ISO 14065), *Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính.*
- TCVN ISO 14066 (ISO 14064), *Yêu cầu năng lực đối với đoàn thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính.*
- TCVN ISO/IEC 17029:2020 (ISO/IEC 17029:2019), *Đánh giá sự phù hợp - nguyên tắc chung và yêu cầu đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận.*

2.2 Giải thích chi tiết các quy định trong tiêu chuẩn

Một số căn cứ làm cơ sở quy định trong nội dung dự thảo TCVN như sau:

Phần	Nội dung	Căn cứ
Tên tiêu chuẩn	Tín chỉ các-bon rừng - Yêu cầu chung	Theo đề cương dự án xây dựng TCVN đã được phê duyệt.
Lời nói đầu		Trình bày theo quy định tại TCVN 1-2:2025
Lời giới thiệu		
1 Phạm vi áp dụng	<p>Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với tín chỉ các-bon rừng tạo ra từ các dự án các-bon trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng. Các yêu cầu gồm: tín chỉ các-bon rừng, điều kiện thực hiện dự án các-bon; biện pháp tác động trong dự án các-bon; đo đạc, báo cáo phát thải khí nhà kính, hấp thụ các-bon; bảo đảm an toàn môi trường, xã hội; xây dựng, thực hiện, báo cáo và lưu trữ hồ sơ; thẩm định và xác minh.</p> <p>Tiêu chuẩn này cũng khuyến khích áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân mong muốn thực hiện các dự án các-bon trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất nhằm đóng góp tự nguyện cho mục tiêu giảm phát thải của tổ chức, quốc</p>	Theo đề cương và nội dung của tiêu chuẩn

Phần	Nội dung	Căn cứ
	gia.	
2 Tài liệu viện dẫn	<p>Bốn tài liệu viện dẫn như sau:</p> <p>TCVN 14287:2024, <i>Phương pháp xác định sinh khối và trữ lượng các-bon rừng.</i></p> <p>TCVN ISO 14065 (ISO 14065), <i>Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính.</i></p> <p>TCVN ISO 14066 (ISO 14066), <i>Yêu cầu năng lực đối với đoàn thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính.</i></p> <p>TCVN ISO/IEC 17029:2020 (ISO/IEC 17029:2019), <i>Đánh giá sự phù hợp - nguyên tắc chung và yêu cầu đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận.</i></p>	Các tài liệu được viện dẫn tại 7.3, 10.1
3 Thuật ngữ và định nghĩa	3.1 Bể các-bon	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2007 ⁷
	3.2 Các-bon xanh	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary ⁸
	3.3 Carbon dioxide tương đương	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.4 Các-bon hữu cơ trong đất	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.5 Chất hữu cơ chết	Sử dụng định nghĩa của Cục Lâm nghiệp 2024 ⁹
	3.6 Dự án các-bon	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	3.7 Dữ liệu hoạt động	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.8 Đảo nghịch	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023
	3.9 Bảo đảm an toàn môi	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023

⁷ https://archive.ipcc.ch/ipccreports/sres/land_use/index.php?idp=271

⁸ https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2019/11/11_Annex-I-Glossary.pdf

⁹ Cục Lâm nghiệp, 2025. Các câu hỏi thường gặp về các-bon rừng. https://vnforest.gov.vn/wp-content/uploads/2025/02/Handbook-cac-bon-rung_Ver-7.pdf

Phần	Nội dung	Căn cứ
	trường và xã hội	
	3.10 Đo đạc, báo cáo	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.11 Độ không chắc chắn	Sử dụng định nghĩa của TCVN ISO 14064:2020
	3.12 Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Sử dụng định nghĩa của Luật Bảo vệ môi trường 2020 ¹⁰
	3.13 Giai đoạn tham chiếu	Sử dụng định nghĩa của Cục Lâm nghiệp 2024
	3.14 Giai đoạn tín chỉ	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023 ¹¹
	3.15 Hệ số phát thải	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.16 Hủy tín chỉ các-bon	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023
	3.17 Khí nhà kính	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.18 Lập địa	Sử dụng định nghĩa của TCVN 12630-1:2019 (3.1); TCVN 11366-6:2021 (3.1)
	3.19 Lồng ghép	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.20 Loại bỏ các-bon đi-ô-xít	Sử dụng định nghĩa của IPCC AR6 GW III: CDR Factsheet ¹²
	3.21 Lượng dự phòng	Sử dụng định nghĩa của TREES ¹³
	3.22 Mức tham chiếu	Sử dụng định nghĩa của UNREDD 2015
	3.23 Nguồn phát thải	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.24 Rò rỉ phát thải	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023
	3.25 Phân tầng	Sử dụng định nghĩa của Erqui Xu (https://doi.org/10.3390/rs10111730)
	3.26 Sinh khối	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.27 Tính bổ sung	Sử dụng định nghĩa của TREES
	3.28 Tín chỉ các-bon	Sử dụng định nghĩa của Cục Lâm nghiệp 2024, Luật BVMT 2020
	3.29 Tín chỉ các-bon hết hiệu lực	Sử dụng định nghĩa của Carbon credit glossary ¹⁴
	3.30 Tính toán các-bon	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019

¹⁰ <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2021/02/72.signed.pdf>

¹¹ <https://www.lmsp.lv/documents/view/024d7f84ff11dd7e8d9c510137a2381/Verra+VCS+Program+Definitions+v4.4+updated+4+Oct+2023.pdf>

¹² https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg3/downloads/outreach/IPCC_AR6_WGIII_Factsheet_CDR.pdf

¹³ <https://www.artredd.org/wp-content/uploads/2021/12/TREES-2.0-August-2021-Clean.pdf>

¹⁴ <https://carboncredits.com/carbon-credits-glosary/>

Phần	Nội dung	Căn cứ
		Glossary
	3.31 Tính trùng lặp	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023
	3.32 Thẩm định và xác minh	Sử dụng định nghĩa của IPCC 2019 Glossary
	3.33 Trữ lượng các-bon	Sử dụng định nghĩa của VCS 2023
4 Tín chỉ các-bon rừng		Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. https://vfcs.org.vn/wp-content/uploads/2025/09/BCKT-Xay-dung-TCVN-cacbon-rung_Final-approved.pdf
5 Điều kiện thực hiện dự án các-bon	4.1 Điều kiện chung	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	4.2 Điều kiện cụ thể	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
6 Các biện pháp lâm sinh trong dự án các-bon	6.1 Dự án REDD+	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	6.2 Dự án A/R	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	6.3 Dự án IFM-N	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	6.4 Dự án IFM-P	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
	6.5 Dự án AFP	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam
7 Đo đạc, báo cáo phát thải khí nhà kính, hấp thụ các-bon trong dự án các-bon	7.1 Bể các-bon, nguồn phát thải và loại khí nhà kính tính toán	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.2 Xây dựng dữ liệu hoạt động	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.3 Xây dựng, lựa chọn hệ số phát thải	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.4 Xây dựng mức tham chiếu	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.5 Tính phát thải khí nhà	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia

Phần	Nội dung	Căn cứ
	kính, hấp thụ các-bon trong giai đoạn báo cáo	gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.6 Xác định lượng giảm phát thải và lượng tăng hấp thụ các-bon	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.7 Đánh giá độ không chắc chắn	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.8 Đánh giá nguy cơ rò rỉ, đảo ngược phát thải	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	7.9 Xác định lượng dự phòng và lượng tín chỉ cho giao dịch	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
8 Bảo đảm an toàn môi trường, xã hội trong dự án các-bon	8.1 Thúc đẩy phát triển lâm nghiệp, kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	8.2 Bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	8.3 Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát tác động tiêu cực	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	8.4 Giải quyết tranh chấp, khiếu nại	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
9 Xây dựng, thực hiện, báo cáo và lưu trữ hồ sơ	9.1 Xây dựng và thực hiện dự án các-bon	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	9.2 Kiểm soát/đảm bảo chất lượng (QC/QA)	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia

Phần	Nội dung	Căn cứ
		kính quốc gia
	9.3 Giám sát các-bon và an toàn môi trường, xã hội	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
	9.4 Lưu trữ hồ sơ	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. IPCC 2019. Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính quốc gia
10 Thẩm định và xác minh	10.1 Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định và xác minh (VVB)	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam. TCVN ISO 14065 (ISO 14065), <i>Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính</i> . TCVN ISO 14066 (ISO 14064), <i>Yêu cầu năng lực đối với đoàn thẩm định và xác minh báo cáo kiểm kê khí nhà kính</i> .
	10.2 Hồ sơ cho thẩm định và xác minh	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam.
	10.3 Quy trình thực hiện thẩm định và xác minh	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam.
Phụ lục A (tham khảo)	Phương trình ước tính sinh khối cây cá thể	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam.
Phụ lục B (quy định)	Tài liệu thiết kế dự án	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam.
Phụ lục C (quy định)	Báo cáo kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tăng hấp thụ các-bon	Báo cáo kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các-bon rừng tại Việt Nam.
Thư mục tài liệu tham khảo		Các tài liệu tham khảo chính để xây dựng tiêu chuẩn

3. Nêu tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo

Dự thảo tiêu chuẩn TCVN “*Tín chỉ các bon rừng – Yêu cầu chung*” được xây dựng với những ưu điểm nổi bật sau:

- **Tính tiên phong và cần thiết:** Đây là bộ tiêu chuẩn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam quy định cụ thể các yêu cầu liên quan đến tín chỉ các bon rừng, tạo hành lang kỹ thuật và pháp lý cho việc phát triển thị trường các bon rừng trong nước,

đồng thời hỗ trợ Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính (NDC, Thỏa thuận Paris).

- **Tính đồng bộ và minh bạch:** Tiêu chuẩn đưa ra hệ thống yêu cầu rõ ràng về quản lý, đo đạc, báo cáo và thẩm tra tín chỉ các bon rừng. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch, độ tin cậy của các tín chỉ phát hành tại Việt Nam, góp phần xây dựng niềm tin cho nhà đầu tư, tổ chức trong và ngoài nước.
- **Khả năng áp dụng rộng rãi:** Tiêu chuẩn được xây dựng theo hướng có thể áp dụng cho nhiều loại hình quản lý rừng khác nhau (rừng tự nhiên, rừng trồng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng), phù hợp với điều kiện của cả các chủ rừng là tổ chức và cá nhân, từ đó khuyến khích sự tham gia đa dạng của các bên.
- **Hài hòa với thông lệ quốc tế:** Các yêu cầu trong dự thảo được tham khảo và đối chiếu với các tiêu chuẩn, phương pháp luận quốc tế uy tín (như IPCC, VCS/Verra, Gold Standard), bảo đảm tín chỉ các bon rừng của Việt Nam có thể được công nhận và giao dịch ở thị trường trong nước và quốc tế.

Những điểm cần lưu ý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi góp ý dự thảo:

- Cần xem xét mức độ khả thi khi áp dụng trong điều kiện quản lý rừng, năng lực đo đạc và thẩm tra hiện nay tại Việt Nam.
- Cần nhắc về chi phí – lợi ích trong triển khai tiêu chuẩn, nhất là đối với các chủ rừng nhỏ.
- Góp ý thêm về tính tương thích giữa tiêu chuẩn và hệ thống quản lý tín chỉ các bon quốc gia (bao gồm Sổ đăng ký tín chỉ các bon và thị trường các bon trong nước theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP).

4. Mối liên quan của dự thảo tiêu chuẩn với các tiêu chuẩn trong và ngoài nước cũng như các quy định hiện hành, thông báo mức độ phù hợp của dự thảo tiêu chuẩn với những văn bản đó

Liên quan với tiêu chuẩn, hướng dẫn trong nước:

- Dự thảo tiêu chuẩn phù hợp và bổ trợ cho TCVN về quản lý rừng bền vững (dự thảo), cũng như các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính và thị trường các bon.
- Bảo đảm tính thống nhất với Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Bảo vệ môi trường 2020, và đặc biệt là Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó có quy định về xây dựng và vận hành thị trường các bon trong nước.

Liên quan với tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế:

- Dự thảo đã tham khảo và có sự tương thích cao với Bộ hướng dẫn của IPCC về kiểm kê KNK trong lĩnh vực LULUCF/AFOLU, cũng như các tiêu chuẩn tín chỉ các bon quốc tế như Verified Carbon Standard (VCS/Verra), Gold Standard (GS).
- Các yêu cầu về đo đạc, báo cáo và thẩm tra (MRV) trong dự thảo tương đồng với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên thông tín chỉ các bon rừng của Việt Nam với thị trường toàn cầu.

Mức độ phù hợp:

- Dự thảo tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong nước và hài hòa với các chuẩn mực quốc tế, nhằm nâng cao tính công nhận, sử dụng và thương mại hóa tín chỉ các bon rừng.
- Sự phù hợp này giúp giảm thiểu rào cản kỹ thuật, nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường các bon quốc tế, đồng thời bảo đảm lợi ích cho các chủ rừng, doanh nghiệp và Nhà nước trong tiến trình phát triển kinh tế các bon thấp.

5. Các dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn có liên quan với dự thảo tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn quốc gia “Tín chỉ các-bon rừng – Yêu cầu chung” được xây dựng mới dựa trên các tài liệu khoa học đủ độ tin cậy. Không trùng lặp, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia hiện hành./.

GIÁM ĐỐC*Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025***BAN SOẠN THẢO****Vũ Tấn Phương**